

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 87/2022/HS-ST
Ngày 28 - 4 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Bà **Lê Thị Khanh**.

Nghề nghiệp: Nguyên Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Triệu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa đối với các bị cáo:

1. **Đ.Q.M**; tên gọi khác: M.H; sinh ngày 11 tháng 01 năm 2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 51/5 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 62/2 ấp B.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ.X.B và bà K.T.B.T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **H.Q.T**; sinh ngày 02 tháng 10 năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 98/1A ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H.T.T và bà P.T.S; bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm

giam ngày 26/8/2020, đến ngày 01/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **N.C.B**; sinh ngày 29 tháng 5 năm 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 25/8D Ấp 3, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.H, không rõ họ tên mẹ; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Đ.T.K**; sinh ngày 15 tháng 6 năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 10/4A ấp M.H4, xã X.T.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ.T.M và bà N.T.H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: bị Công an quận T.B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số: 0023683/QĐ-XPVPHC ngày 21/11/2019; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/01/2021 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **L.T.Đ**; sinh ngày 11 tháng 01 năm 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 10/1A ấp B.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L.V.T và bà H.T.T.T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **B.M.T**; sinh ngày 14 tháng 9 năm 2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 49/4 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B.V.T và bà N.T.M.T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **N.B.P**; sinh ngày 30 tháng 01 năm 2003 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: P205H4 CC B.D, phường P.H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; tạm trú: 55/5E ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.B.T và bà N.T.H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. **L.M.P**; sinh ngày 30 tháng 12 năm 2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 23/3 Khu phố 5, phường T.T.t, Q12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L.X.B và bà T.K.T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ.Q.M:* Bà **K.T.B.T**, sinh năm 1976 - là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)

Địa chỉ: 51/5 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.C.B:* Ông **N.V.H**, sinh năm 1968 - là cha ruột của bị cáo. (có mặt)

Địa chỉ: 25/8D Ấp 3, xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo B.M.T:* Bà **N.T.M.T**, sinh năm 1975 - là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)

Địa chỉ: 49/4 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.B.P:* Ông **N.B.T**, sinh năm 1978 - là cha ruột của bị cáo. (có mặt)

Địa chỉ: 55/5E ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo L.M.P:* Bà **T.K.T**, sinh năm 1975 - là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)

Địa chỉ: 23/3 Khu phố 5, phường T.T.N, Q.12, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người bào chữa cho các bị cáo Đ.Q.M và B.M.T:* Ông **N.T.G** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo N.C.B:* Bà **T.T.H**- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

* *Người bào chữa cho các bị cáo B.M.T và L.M.P:* Ông **Đ.T.N** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông **N.V.B.Q**, sinh năm 1996. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 114/5 P.V.H, Ấp 5, xã X.T.T, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **T.V.C**, sinh năm 1995. (có đơn xin vắng mặt)

3. Bà **L.N.T.A**, sinh năm 1998. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 138 Ấp3, xã X.T.T, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà **K.T.B.T**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: 51/5 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Em **Đ.Q.T**, sinh ngày 18/3/2005. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của em T: Bà **K.T.B.T**, sinh năm 1976. (có mặt)

Cùng địa chỉ: 51/5 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông **H.A.K**, sinh năm 2001. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 821 ấp T.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến đối chất tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn giữa Đ.Q.T và H.A.K , khoảng 20 giờ 00 phút ngày 08/5/2020, Đ.Q.T rủ anh ruột là Đ.Q.M và N.H.G.B, N.L.H.N, N.C.B đến quán cà phê Homie, địa chỉ: 138 Ấp 3, xã X.T.T, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh gặp nhóm của H.A.K lúc này đang ngồi cùng L.T.T cùng nhóm bạn để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn giữa T và K. Trong lúc nói chuyện, hai bên xảy ra cãi nhau, L.T.T dùng tay đánh Đ.Q.T nên Đ.Q.M đã lấy bình xịt hơi cay mang theo sẵn xịt vào nhóm của H.A.K làm cho mọi người bỏ chạy ra ngoài. Thấy vậy, chủ quán cà phê Homie là ông T.V.C đứng ra can ngăn, và có dùng ghế đánh Đ.Q.M. Thấy sự việc diễn ra như vậy nên Đ.Q.T nhắn tin lên group chat Messenger để rủ những người có trên group chat đến quán cà phê Homie để tìm K nói chuyện, đồng thời tìm lại công bằng cho T.

Sau khi rời khỏi quán, Đ.Q.T tiếp tục sử dụng điện thoại nhắn tin lên group chat để hẹn cả nhóm về nhà của N.C.B tập trung để tìm đánh nhóm của K trả thù cho T, khi về đến nhà C.B thì gặp L.T.Đ, Đ, T đến quán A.E nơi M đang làm việc báo cho H.Q.T chủ quán biết việc M bị đánh và chưa về đi làm được.

Do một số người chưa trả lời tin nhắn nên N.H.G.B chờ N chạy đến quán cà phê ở Chợ đầu mối gọi các bị cáo B.M.T, Đ.T.K, N.T.P, N.B.P và L.M.P để đến nhà C.B. Cả nhóm G.B đến nhà C.B thì biết L.T.Đ, T có đến quán A.E nên chạy đến tìm L.T.Đ và T, khi nhóm của G.B đến quán A.E, tất cả đã cùng tìm kiếm và chuẩn bị hung khí để đi đến quán cà phê Homie.

Đến 21 giờ 00 phút cùng ngày, L.T.Đ điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, biển số: 59T1 - 308.83 chở H.Q.T có mang theo súng để trong túi áo, N.H.G.B cầm 01 cây dao tự chế dài khoảng 50cm điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Blade, biển số: 50Y1 - 203.21 chở Đ.T.K cầm 01 cây dao dài khoảng 70cm, N.L.H.N cầm 01 cây dao dài khoảng 1,3m, L.M.P điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số: 59Y1 - 993.59 chở Đ.Q.T cầm 01 cây dao dài 1m, N.T.P điều khiển xe gắn máy hiệu Dream, biển số: 53Y1 - 4249 chở N.C.B cầm 01 dao tự chế dài 1,3m và N.B.P cầm 01 dao tự chế dài 60m, B.M.T điều khiển xe gắn máy hiệu Vario, biển số: 50Y1 - 520.17 chở Đ.Q.M. Khi đến quán cà phê Homie, cả nhóm nhìn thấy quán đã đóng cửa chỉ còn 02 người khách là ông N.V. B.Q và ông T (không rõ lai lịch) đang đứng phía trước quán bên cạnh xe gắn máy hiệu Vario, biển số: 63P1 - 173.79.

Bị cáo H.Q.T xuống xe đứng dưới lòng đường phía trước quán rồi rút súng bắn 03 phát chỉ thiên, cùng lúc này, Đ.Q.T, N.L.H.N, N.H.G.B, N.C.B và Đ.T.K dùng dao tự chế xông đến đuổi đánh ông Q và ông T. Ông Q và ông T bỏ xe gắn máy lại chạy bộ, H.Q.T cùng mọi người trên đường ra về có đạp đổ xe gắn máy của ông Q xuống đường, Đ.Q.T và N.C.B đi đến dùng dao chém gây hư hỏng vỏ nhựa xe gắn máy, mảnh bắn gây mẻ kính trước của nhà bà V.H.P.T. Sau đó, cả nhóm bỏ đi, mang hung khí đem cất giấu. Sau khi sự việc xảy ra,

người dân đã đến trình báo với Công an huyện H.M đến hiện trường lập hồ sơ xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, và sau quá trình đối chất tại phiên tòa Đ.Q.M, H.Q.T, N.C.B, Đ.T.K, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P và L.M.P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết quả giám định số: 961/KLGĐ-TT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Khẩu súng ngắn hiệu ZORAKI MOD 914-TD AUTO - ZRCW102 - 1908-00750 gửi giám định là loại súng ngắn bắn đạn cao su, đạn hơi cay, đạn nổ uy hiếp có cỡ nòng 9mm, nòng súng không có đường khương tuyến, các bộ phận của súng còn đầy đủ, hoạt động bình thường, súng còn bắn được đạn nổ. Khẩu súng do Thổ Nhĩ Kỳ sản xuất. Căn cứ Danh mục công cụ hỗ trợ ban hành theo Thông tư số: 21/2019/TT-BCA ngày 18/7/2019 của Bộ Công an và căn cứ quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 thì khẩu súng ngắn gửi giám định thuộc nhóm công cụ hỗ trợ.

- 02 viên đạn ký hiệu OZK-9mm P.A. gửi giám định là loại đạn cao su chưa qua sử dụng, không xác định được nơi sản xuất, có thể dùng cho khẩu súng ngắn gửi giám định nêu trên và một số loại súng khác có cùng cỡ buồng chứa đạn và cỡ nòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 thì 02 viên đạn gửi giám định thuộc nhóm công cụ hỗ trợ.

- 02 vỏ đạn ký hiệu OZK-9mm P.A. gửi giám định là vỏ đạn của loại đạn cao su cỡ 9mm đã qua sử dụng, không xác định được nơi sản xuất.

- Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh hiện không có đầy đủ trang thiết bị, phương tiện máy móc để xác định tầm sát thương của khẩu súng ngắn gửi đến giám định.

- Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh hiện không lưu giữ vỏ đạn của loại đạn này trong các vụ án xảy ra trước đây nên không tiến hành giám định so sánh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 33/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hóc Môn kết luận: Phần vỏ nhựa gồm ốp hông phải, mặt nạ, ốp trước bên phải, chụp đèn xi nhan của xe gắn máy hiệu Honda Vario 150, biển số: 63P1 - 173.79 tại thời điểm định giá ngày 08/5/2020 trị giá 1.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 41/CT-VKS-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đ.Q.M ra trước Tòa án nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm

2017; truy tố các bị cáo H.Q.T, N.C.B, Đ.T.K, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P và L.M.P về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng và rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Đ.Q.M theo tình tiết định khung hình phạt “Xúi giục người khác gây rối”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 vì lý do khi tiến hành đối chất tại phiên tòa nguyên nhân của sự việc là do Đ.Q.T đã có mâu thuẫn với nhóm của H.A.K và Đ.Q.T nhắn tin lên group chat Messenger kêu gọi cả nhóm đi đến quán cà phê Homie để tìm nhóm K trả thù cho T.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Đ.Q.M từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo H.Q.T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 05 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo N.C.B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Đ.T.K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo L.T.Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo B.M.T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo B.M.T từ 01

năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo N.B.P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo L.M.P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 05 năm.

Các đối tượng Đ.Q.T, N.L.H.N, N.T.P, N.H.G.B do khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số: 50Y1 - 520.17, có số khung: MH1JM5114KK398103, số máy: JM51E1397880, qua xác minh do bà K.T.B.T đứng tên chủ sở hữu, đề nghị trả lại xe gắn máy trên cho bà T.

+ Đối với 08 dao tự chế (thu giữ của bị cáo Hà Quốc Thái), do không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 khẩu súng ngắn dài khoảng 15cm trên thân súng có chữ ZORAKI MOD 914 TD AUTO-ZRCW102-1908-00750 Made by ATAK arms ltd CAL.9mm P.A.K cùng 02 viên đạn có ký hiệu OZK-9MM chưa qua sử dụng, 02 vỏ đạn có ký hiệu OZK-9MM (thu giữ của bị cáo H.Q.T) thuộc nhóm công cụ hỗ trợ, nên cần giao lại cho cơ quan quân sự địa phương xử lý theo quy định.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen (thu giữ của bị cáo Đ.Q.M), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng vàng (thu giữ của bị cáo B.M.T) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng (thu giữ của bị cáo L.M.P), các bị cáo khai nhận sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và nguyên đơn dân sự không yêu cầu về dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã tiến hành đối chất với nhau và với nhân chứng là em Đ.Q.T. Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày bổ sung và không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ.Q.M là bà K.T.T.T không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà T xác định xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số: 50Y1 - 520.17, có số khung: MH1JM5114KK398103, số máy: JM51E1397880 do bà T đứng tên chủ sở hữu.

Bà T không biết việc bị cáo Đ.Q.M là con của bà T sử dụng vào việc phạm tội, nên bà T xin được nhận lại xe máy trên.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.C.B là ông N.V.H không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo B.M.T là bà N.T.M.T không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N.B.P là ông N.B.T không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo L.M.P là bà T.K.T không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Trợ giúp viên pháp lý N.T.G bào chữa cho các bị cáo Đ.Q.M và L.M.P xác định nội dung Cáo trạng truy tố các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và đề nghị rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Đ.Q.M theo tình tiết định khung hình phạt “Xúi giục người khác gây rối” là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, nguyên đơn dân sự và họ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra, khi phạm tội, các bị cáo thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét cho các bị cáo Đ.Q.M và L.M.P được hưởng mức hình phạt thấp nhất và không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên pháp lý T.T.H bào chữa cho bị cáo N.C.B xác định nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, nguyên đơn dân sự và họ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, khi phạm tội, các bị cáo thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét cho bị cáo N.C.B được hưởng mức hình phạt thấp nhất và không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Đ.T.N bào chữa cho các bị cáo B.M.T và N.B.P xác định nội dung Cáo trạng truy tố các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, nguyên đơn dân sự và họ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra, khi phạm tội, các bị cáo thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 xem xét cho các bị cáo B.M.T và N.B.P được hưởng mức hình phạt thấp nhất và không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo H.Q.T, N.C.B, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P và L.M.P nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì các bị cáo là lao động chính trong gia đình và gia đình bị cáo khó khăn.

Bị cáo Đ.T.K nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo sớm về với gia đình, cha bị cáo vừa mất và gia đình bị cáo khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, qua phân hỏi, đối chất và tranh tụng công khai, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh các bị cáo H.Q.T, Đ.Q.M, N.C.B, Đ.T.K, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P và L.M.P vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 08/5/2020 đã có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm là dao tự chế và công cụ hỗ trợ (súng ngắn bắn đạn cao su) thực hiện hành vi phạm tội tụ tập đông người gây rối trật tự, đuổi đánh ông Q và ông T tại quán cà phê Homie, địa chỉ: 138 Ấp 3, xã X.T.T, huyện H.M, Thành phố

Hồ Chí Minh. Bị cáo N.C.B còn có hành vi đập phá tài sản là xe gắn máy hiệu Honda Vario 150, biển số: 63P1 - 173.79.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo có sự rủ rê thực hiện hành vi phạm tội nhưng mang tính bộc phát, không có sự câu kết chặt chẽ, không có người chỉ huy, cầm đầu để thực hiện hành vi phạm tội, thuộc dạng đồng phạm giản đơn. Đ.Q.T là người đã thông báo sự việc, rủ rê, kích động các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do có mâu thuẫn với nhóm của H.A.K và nhắn tin lên group chat Messenger để kêu gọi mọi người đến quán cà phê Homie, nên việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M quyết định rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Đ.Q.M theo tình tiết định khung hình phạt “Xúi giục người khác gây rối”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp.

Hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm là dao tự chế và công cụ hỗ trợ (súng ngắn bắn đạn cao su) thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “Dùng hung khí, vũ khí hoặc có hành vi phá phách” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Bản cáo trạng số: 41/CT-VKS-HS ngày 26 tháng 02 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Đ.Q.M, H.Q.T, N.C.B, Đ.T.K, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P và L.M.P về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;”

[4] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm

tội của các bị cáo để có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

4.1. Bị cáo H.Q.T khi phạm tội đã đủ 18 tuổi, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị thiệt hại đối với xe gắn máy của ông N.V.B.Q, khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại tinh thần cho ông T.V.C, bà L.N.T.A và ông Q, ông C, bà T.A có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.2. Bị cáo N..B khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình thực hiện vụ án bị cáo có hành vi đập xe của ông Q, tuy nhiên ông Q đã có đơn xin bãi nại về hành vi của bị cáo. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X.T.S, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị thiệt hại đối với xe gắn máy của ông N.V.B.Q, khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại tinh thần cho ông T.V.C, bà L.N.T.A và ông Q, ông C, bà T.A có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.3. Bị cáo Đ.T.K khi phạm tội đã đủ 18 tuổi, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự, bị Công an quận T.B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số: 0023683/QĐ-XPVPHC ngày 21/11/2019. Tuy nhiên xét việc tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X.T.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã được gia đình hỗ trợ tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị thiệt hại đối với xe gắn máy của ông N.V.B.Q, khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại tinh thần cho ông T.V.C, bà L.N.T.A và ông Q, ông C, bà T.A có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

4.4. Bị cáo Đ.Q.M khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị thiệt hại đối với xe gắn máy của ông N.V.B.Q, khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại tinh thần cho ông T.V.C, bà L.N.T.A và ông Q, ông C, bà T.A có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.5. Bị cáo L.T.Đ khi phạm tội đã đủ 18 tuổi, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị thiệt hại đối với xe gắn máy của ông N.V.B.Q, khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại tinh thần cho ông T.V.C, bà L.N.T.A và ông Q, ông C, bà T.A có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.6. Bị cáo B.M.T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị thiệt hại đối với xe gắn máy của ông N.V.B.Q, khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại tinh thần cho ông T.V.C, bà L.N.T.A và ông Q, ông C, bà T.A có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.7. Bị cáo N.B.P khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị thiệt hại đối với xe gắn máy của ông N.V.B.Q, khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại tinh thần cho ông T.V.C, bà L.N.T.A và ông Q, ông C, bà T.A có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy

định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4.8. Bị cáo L.M.P khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T.T.N, Q12, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bị thiệt hại đối với xe gắn máy của ông N.V.B.Q, khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại tinh thần cho ông T.V.C, bà L.N.T.A và ông Q, ông C, bà T.A có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, khi phạm tội, các bị cáo Đ.Q.M, N.C.B, B.M.T, N.B.P và L.M.P thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo.

Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo Đ.Q.M, H.Q.T, N.C.B, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P, L.M.P có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên. Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo trên có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho các bị cáo tự thân học tập, cải tạo, giáo dục tại địa phương. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M cho các bị cáo Đ.Q.M, H.Q.T, N.C.B, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P, L.M.P được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là phù hợp, đã đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[5]

5.1. Về hành vi của H.Q.T mua bán trái phép, tàng trữ khẩu súng ngắn có kích thước dài khoảng 15cm, thân súng có chữ ZORAKI MOD 914 TD AUTO-ZRCW102-1908-00750 Made by ATAK arms ltd CAL.9mm P.A.K và 05 viên đạn.

Căn cứ kết luận giám định số 961/KLGD-TT, ngày 28/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Khẩu súng ngắn hiệu ZORAKI MOD 914-TD AUTO - ZRCW102 - 1908-00750 gửi giám định là loại súng ngắn bắn đạn cao su, đạn hơi cay, đạn nổ uy hiếp có cỡ nòng 9mm, nòng súng không có đường khương tuyến, các bộ phận của súng còn đầy đủ, hoạt động bình thường, súng còn bắn được đạn nổ. Khẩu súng do Thổ Nhĩ Kỳ sản xuất. Căn cứ Danh mục công cụ hỗ trợ ban hành

theo Thông tư số: 21/2019/TT-BCA ngày 18/7/2019 của Bộ Công an và căn cứ quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 thì khẩu súng ngắn gửi giám định thuộc nhóm công cụ hỗ trợ.

- 02 viên đạn ký hiệu OZK-9mm P.A. gửi giám định là loại đạn cao su chưa qua sử dụng, không xác định được nơi sản xuất, có thể dùng cho khẩu súng ngắn gửi giám định nêu trên và một số loại súng khác có cùng cỡ buồng chứa đạn và cỡ nòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 thì 02 viên đạn gửi giám định thuộc nhóm công cụ hỗ trợ.

- 02 vỏ đạn ký hiệu OZK-9mm P.A. gửi giám định là vỏ đạn của loại đạn cao su cỡ 9mm đã qua sử dụng, không xác định được nơi sản xuất.

Căn cứ khoản 1 Điều 306 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, H.Q.T chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị kết án về hành vi phạm tội nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn đã đề xuất và Ủy ban nhân dân huyện H.M đã xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Hà Quốc Thái theo quyết định số 722/QĐ-XPVPHC ngày 08/02/2021. Bị cáo đã chấp hành xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.2. Đ.Q.T, N.L.H.N, N.T.P, N.H.G.B do khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hóc Môn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ.Q.T, N.L.H.N, N.T.P, và N.H.G.B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.3. Đối với hành vi hủy hoại tài sản là xe gắn máy của ông Q và cửa kính nhà V.H.P.T do thiệt hại không đáng kể; ông Q có đơn yêu cầu không truy cứu trách nhiệm hình sự và bà T không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.4. Đối với người đàn ông tên T (không rõ nhân thân lai lịch) sau khi xảy ra sự việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hóc Môn đã thông báo truy tìm bị hại nhưng đến nay chưa có kết quả, do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số: 50Y1 - 520.17, có số khung: MH1JM5114KK398103, số máy: JM51E1397880, qua xác minh do bà K.T.B.T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, bà T khai không biết việc bị cáo Đ.Q.M là con của bà T sử dụng vào việc phạm tội. Bà T có yêu cầu xin được nhận lại xe, nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại xe gắn máy trên cho bà T.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen (thu giữ của bị cáo Đ.Q.M), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng vàng (thu giữ của bị cáo B.M.T) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng (thu giữ của bị cáo L.M.P), các bị cáo khai nhận sử dụng để liên lạc thực

hiện hành vi phạm tội, có liên quan đến việc liên lạc Gây rối trật tự công cộng, nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với 08 dao tự chế (thu giữ của bị cáo H.Q.T), do không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với 01 khẩu súng ngắn dài khoảng 15cm trên thân súng có chữ ZORAKI MOD 914 TD AUTO-ZRCW102-1908-00750 Made by ATAK arms ltd CAL.9mm P.A.K cùng 02 viên đạn có ký hiệu OZK-9MM chưa qua sử dụng, 02 vỏ đạn có ký hiệu OZK-9MM (thu giữ của bị cáo H.Q.T) thuộc nhóm công cụ hỗ trợ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao lại cho cơ quan quân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Đối với xe gắn máy Honda Winner biển số 59P2-792.13, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông H.V.A, xe gắn máy nhãn hiệu Damsan biển số 52Y3-5077 cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông N.T.Q (BL 128), các đương sự không có ý kiến và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông N.V.B.Q, ông T.V.C và bà L.N.T.A (vợ ông C) vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ông N.V.B.Q đã được các bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hư hỏng xe gắn máy số tiền 5.000.000 đồng nên không có yêu cầu tiếp tục bồi thường về phần dân sự.

Ông T.V.C và bà L.N.T.A đã được các bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả số tiền 15.000.000 đồng nên không có yêu cầu tiếp tục bồi thường về phần dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo trong vụ án.

[8] Về án phí: Các bị cáo Đ.Q.M, H.Q.T, N.C.B, Đ.T.K, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P và L.M.P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo;

Tuyên bố các bị cáo, **H.Q.T, N.C.B, Đ.T.K, L.T.Đ, Đ.Q.M, B.M.T, N.B.P và L.M.P** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **H.Q.T**;

Xử phạt bị cáo **H.Q.T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/4/2022.

Giao bị cáo **H.Q.T** cho Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Thái thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **L.T.Đ**;

Xử phạt bị cáo **L.T.Đ** 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/4/2022.

Giao bị cáo **L.T.Đ** cho Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo L.T.Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **N.C.B**;

Xử phạt bị cáo **N.C.B** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/4/2022.

Giao bị cáo **N.C.B** cho Ủy ban nhân dân xã X.T.S, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Bảo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **N.C.B** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Đ.T.K**;

Xử phạt bị cáo **Đ.T.K** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/01/2021.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Đ.Q.M**;

Xử phạt bị cáo **Đ.Q.M** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/4/2022.

Giao bị cáo **Đ.Q.M** cho Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Minh thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Đ.Q.M** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **B.M.T**;

Xử phạt bị cáo **B.M.T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/4/2022.

Giao bị cáo **B.M.T** cho Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Thông thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **B.M.T** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp

hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **N.B.P**;

Xử phạt bị cáo **N.B.P** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/4/2022.

Giao bị cáo **N.B.P** cho Ủy ban nhân dân xã B.Đ, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phúc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị **N.B.P** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **L.M.P**;

Xử phạt bị cáo **L.M.P** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/4/2022.

Giao bị cáo **L.M.P** cho Ủy ban nhân dân phường T.T.N, q12, thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phú thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **L.M.P** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

(Các bị cáo Đ.Q.M, H.Q.T, N.C.B, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P và L.M.P đã được giải thích về chế định án treo).

[2]. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giam bị cáo **Đ.T.K** thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen (thu giữ của bị cáo Đ.Q.M), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng vàng (thu giữ của bị cáo B.M.T) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình cảm ứng (thu giữ của bị cáo L.M.P).

3.2. Trả lại 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario, biển số: 50Y1 - 520.17, có số khung: MH1JM5114KK398103, số máy: JM51E1397880 cho bà K.T.B.T.

3.3. Tịch thu tiêu hủy 08 dao tự chế.

3.4. Giao lại cho cơ quan quân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định, đối với 01 khẩu súng ngắn dài khoảng 15cm trên thân súng có chữ ZORAKI MOD 914 TD AUTO-ZRCW102-1908-00750 Made by ATAK arms ltd CAL.9mm P.A.K cùng 02 viên đạn có ký hiệu OZK-9MM chưa qua sử dụng, 02 vỏ đạn có ký hiệu OZK-9MM. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các vật chứng của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 3 năm 2021.

[4]. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc các bị cáo Đ.Q.M, H.Q.T, N.C.B, Đ.T.K, L.T.Đ, B.M.T, N.B.P và L.M.P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[6]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hóc Môn;
- UBND xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Thới Nhất, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hồng Hải